TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Để**

2. Ông **Lưu Văn Bình**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Bà **Lai Thị Ngọc Mãi** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện U, tỉnh K

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 15, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Anh Tr; chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:***

Vào năm 2005, anh có chung sống với chị Nguyễn Thị T nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cải. Tuy

hai bên cũng cố gắng nhẫn nhịn thời gian dài nhưng qua nhiều lần hàn gắn không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được nên vợ chồng thỏa thuận chia tay từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006. Anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh, chị thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*** Theo biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 11 năm 2023 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T có ý kiến trình bày:**

Do có quen biết từ trước chị và anh Tr tiến tới hôn nhân vào năm 2005, chị và anh Tr kết hôn vào năm chị 21 tuổi và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có chung một căn nhà cấp bốn do vợ chồng tự đi làm xây lên và có đất của ba chồng chị cho lúc trước và đất 02 vợ chồng làm mua được, anh Tr có hứa chuyển quyền sử dụng đất sang cho cháu T1 khi cháu T1 đủ 18 tuổi, ngoài ra không còn tài sản chung gì cả. Chị xác định không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải nên đã ly thân khoảng hơn 08 năm nay.

Nay anh Tr yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý. Về con chung: Chị đồng ý giao con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006 cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Tr, chị T: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị

Hội đồng xét xử không công nhận anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng. Anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T xác định có 01 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006. Anh Tr và chị T thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006 cho anh Tr nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh Tr và chị T thống nhất tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh, chị xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr và bị đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị Tr vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cự cải từ đó làm phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc hôn nhân anh, chị không tháo gỡ được nên anh Tr yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh Tr và chị T đã thật sự trầm trọng, anh Tr và chị T đều xác định đã ly thân 08 năm nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay anh Tr yêu cầu ly hôn với chị T, thì chị T cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định anh Tr và chị T không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T xác định, thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006 cho anh Tr nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Tr và chị T thỏa thuận tiếp tục giao con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006 cho anh Tr nuôi dưỡng là phù hợp. Bởi lẽ từ khi anh Tr và chị T ly thân cho đến nay, cháu T1 do anh Tr nuôi dưỡng và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Tr không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Anh Tr và chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Tr và chị T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn Tr và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 27/9/2006 cho anh Tr nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh Tr không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung: Anh Tr và chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Tr và chị T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Tr đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003394 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được cấn trừ xem như anh Tr đã thi hành xong phần án phí.

6. Anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU